

Số: 3327 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 08 tháng 09 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho một số hộ dân, tổ chức bị ảnh hưởng do GPMB để thực hiện dự án Khu tái định cư - dân cư Tân Vinh (đợt 17)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 của UBND tỉnh ban hành quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội, tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây cối, hoa màu khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND ngày 14/5/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mả trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 1621/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án bố trí tái định cư dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Becamex Bình Định và 04 dự án Khu Tái định cư - Dân cư thuộc Khu Công nghiệp - Đô thị Becamex A tại Phân khu 7, Khu kinh tế Nhơn Hội;

Căn cứ Quyết định số 3706/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất ở cụ thể để lập phương án bồi thường, GPMB đối với 04 dự án tại Khu Đô thị Becamex A thuộc Phân khu 07, Khu Kinh tế Nhơn Hội;

Theo đề nghị của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư thực hiện 04 dự án Khu tái định cư - dân cư tại Khu Công nghiệp - Đô thị

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho một số hộ dân, tổ chức bị ảnh hưởng do GPMB để thực hiện dự án Khu tái định cư - dân cư Tân Vinh thuộc Khu Công nghiệp - Đô thị Becamex A (Phân khu 7) tại xã Canh Vinh, huyện Vân Canh (đợt 17), với các nội dung cụ thể như sau:

1. Giá trị bồi thường, hỗ trợ đất ở và tài sản trên đất cho một số hộ dân, tổ chức; chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) là **9.467.939.714 đồng** (*Chín tỷ, bốn trăm sáu mươi bảy triệu, chín trăm ba mươi chín nghìn, bảy trăm mười bốn đồng*), trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ: 9.282.293.838 đồng.
- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 185.645.877 đồng.

(Chi tiết như Phụ lục số 01 kèm theo Quyết định này)

2. Bố trí tái định cư cho 10 hộ dân đủ điều kiện tại Khu tái định cư - dân cư Hiệp Vinh 1A.

(Chi tiết như Phụ lục số 02 kèm theo Quyết định này)

3. Giá trị bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp và tài sản trên đất cho một số hộ dân, tổ chức; chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) là **1.564.470.867 đồng** (*Một tỷ, năm trăm sáu mươi bốn triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn, tám trăm sáu mươi bảy đồng*), trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ: 1.533.794.968 đồng.
- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 30.675.899 đồng.

(Chi tiết như Phụ lục số 03 kèm theo Quyết định này)

4. Điều chỉnh thông tin của 01 hộ dân đã được phê duyệt tại Quyết định số 88/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

(Chi tiết như Phụ lục số 04 kèm theo Quyết định này)

* Nguồn vốn chi trả: Vốn ứng trước của Công ty cổ phần Becamex Bình Định.

Điều 2. Giao Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh, cơ quan Thường trực của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư thực hiện 04 dự án Khu tái định cư - dân cư tại Khu Công nghiệp - Đô thị Becamex A (Phân khu 7), Khu kinh tế Nhơn Hội có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế; Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh; Chủ tịch UBND huyện

Vân Canh; Giám đốc Công ty cổ phần Becamex Bình Định; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và hộ dân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - CT, PCT TT Nguyễn Tuấn Thanh;
 - PVP KT;
 - Lưu: VT, K6, K16.
- 

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục số 01
BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHO MỘT SỐ HỘ DÂN CÓ ĐẤT Ở VÀ TÀI SẢN TRÊN ĐẤT BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB DỰ ÁN
KHU TÁI ĐỊNH CƯ - DÂN CƯ TÂN VINH THUỘC KHU CÔNG NGHIỆP - ĐÔ THỊ BECAMEX A (PHÂN KHU 7) TẠI XÃ CẠNH VINH, HUYỆN VÂN CẠNH (ĐỢT 17)
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Hộ dân	Địa chỉ	Số thửa	Tờ bản đồ	Loại đất	Tổng diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích bị thu hồi (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)	DT đất xét bồi thường, hỗ trợ				Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)		Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Nhà cửa VKT	Cây cối, hoa màu	Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác	Thưởng đẩy nhanh tiến độ	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)
									Đất ở được BT, HT (m ²)	Đất vườn được BT, HT (m ²)	Đất NN được BT, HT (m ²)	Đất không được BT, HT (m ²)	Bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)	Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm (đồng)						
	a	b	c	d	e	f	g		h	j	k	k	l	o	1	2	3	4	5	6=1+2+3+4+5
1	Nguyễn Văn Chi	Thôn Tân Vinh xã Canh Vinh, huyện Vân Canh.	58	31	ONT+ CLN+ RSX	8.373,9	5.633,4	2.740,5	600,0	2.313,8	2.719,6		825.698.250	442.359.300	1.268.057.550	661.878.456	73.616.600	41.928.000	7.000.000	2.052.480.606
2	Võ Thị Lan	Thôn Tân Vinh xã Canh Vinh, huyện Vân Canh.	80	31	ONT+ CLN	1.124,6	533,1	591,5	400,0	133,1			313.171.700	22.161.150	335.332.850	283.166.443	14.885.000	36.432.000	7.000.000	676.816.293
3	Hồ Sĩ Lành	Thôn Tân Vinh xã Canh Vinh, huyện Vân Canh.	46	31	ONT+ RSX	2.486,0	1.792,8	693,2		971,3	821,5		234.741.725	178.972.950	413.714.675	123.725.980	63.336.600		7.000.000	607.777.255
4	Nguyễn Bá Vinh, vợ Nguyễn Thị Đỏ	Thôn Tân Vinh xã Canh Vinh, huyện Vân Canh.	47	31	ONT+ RSX	3.052,3	2.216,9	835,4	600,0	594,3	1.022,6		658.791.875	120.425.550	779.217.425	896.454.112	26.579.400	30.936.000	7.000.000	1.740.186.937
5	Nguyễn Minh Hùng, vợ Nguyễn Thị Khánh	Thôn Tân Vinh xã Canh Vinh, huyện Vân Canh.	164	6	ONT+ RSX	4.838,7	4.329,7	509,0	600,0	1.507,0	2.222,7		751.575.550	297.592.200	1.049.167.750	713.327.314	55.885.700	52.832.000	7.000.000	1.878.212.764
6	Nguyễn Thị Phận	Thôn Tân Vinh xã Canh Vinh, huyện Vân Canh.	59	31	ONT+ CLN+ RSX	2.228,7	1.335,7	893,0	600,0	314,4	421,3		562.112.000	61.194.900	623.306.900	396.800.536	34.477.900	38.400.000	7.000.000	1.099.985.336

TT	Hộ dân	Địa chỉ	Số thửa	Tờ bản đồ	Loại đất	Tổng diện tích thửa đất (m²)	Diện tích bị thu hồi (m²)	Diện tích còn lại (m2)	DT đất xét bồi thường, hỗ trợ				Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)		Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Nhà cửa VKT	Cây cối, hoa màu	Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác	Thưởng đẩy nhanh tiến độ	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)
									Đất ở được BT, HT (m²)	Đất vườn được BT, HT (m²)	Đất NN được BT, HT (m²)	Đất không được BT, HT (m²)	Bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)	Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm (đồng)						
	a	b	c	d	e	f	g		h	j	k	k	l	o	1	2	3	4	5	6=1+2+3+4+5
7	Nguyễn Văn Bình, vợ Nguyễn Thị Tâm	Thôn Tân Vinh xã Canh Vinh, huyện Vân Canh.	60	31	ONT+ CLN+ RSX	1.566,6	872,9	693,7	400,0	168,0	304,9		331.644.600	34.374.900	366.019.500	361.767.410	23.107.500	30.936.000	7.000.000	788.830.410
8	Đoàn Thị Cảnh	Thôn Tân Vinh xã Canh Vinh, huyện Vân Canh.	57	31	CLN	441,3	232,5	208,8			232,5		5.347.500	16.042.500	21.390.000	175.583.093	1.790.120	4.920.000	7.000.000	210.683.213
9	Trần Lộc	Thôn Tân Vinh xã Canh Vinh, huyện Vân Canh.	94	31	CLN	77,6	77,6	0,0			77,6		1.784.800	5.354.400	7.139.200	92.542.560		1.968.000	7.000.000	108.649.760
10	Đoàn Thị Sinh	Thôn Tân Vinh xã Canh Vinh, huyện Vân Canh.	95	31	CLN	39,3	39,3	0,0			39,3		903.900	2.711.700	3.615.600	39.761.597		984.000	7.000.000	51.361.197
11	Trần Đức Hùng	Thôn Tân Vinh xã Canh Vinh, huyện Vân Canh.	93	31	CLN	72,6	72,6	0,0			72,6		1.669.800	5.009.400	6.679.200	44.408.867	3.318.000	5.904.000	7.000.000	67.310.067
A	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ																			9.282.293.838
B	Chi phí phục vụ GPMB (2%)																			185.645.877
C	Tổng cộng:																			9.467.939.714

Phụ lục số 02

**BẢNG TỔNG HỢP 10 HỘ GIA ĐÌNH ĐỦ ĐIỀU KIỆN GIAO ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ BỊ ẢNH HƯỞNG
DO GPMB ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU TÁI ĐỊNH CƯ - DÂN CƯ TÂN VINH (ĐỢT 17)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Hộ dân	Địa chỉ	Số thửa	Tờ bản đồ	Loại đất	Tổng diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích bị thu hồi (m ²)	DT đất xét bồi thường, hỗ trợ				Diện tích đất ở đủ điều kiện giao đất tái định cư (m ²)	Khu Tái định cư	Ghi chú
								Đất ở được BT, HT (m ²)	Đất vườn được BT, HT (m ²)	Đất NN được BT, HT (m ²)	Đất không được BT, HT (m ²)			
1	Nguyễn Văn Chi	Thôn Tân Vinh xã Canh Vinh, huyện Vân Canh.	58	31	ONT+ CLN+ RSX	8.373,9	5.633,4	600,0	2.313,8	2.719,6		600,0	Khu Tái định cư- dân cư Hiệp Vinh 1A	
2	Võ Thị Lan	Thôn Tân Vinh xã Canh Vinh, huyện Vân Canh.	80	31	ONT+ CLN	1.124,6	533,1	400,0	133,1			400,0	Khu Tái định cư- dân cư Hiệp Vinh 1A	
3	Nguyễn Bá Vinh, vợ Nguyễn Thị Đỏ	Thôn Tân Vinh xã Canh Vinh, huyện Vân Canh.	47	31	ONT+ RSX	3.052,3	2.216,9	600,0	594,3	1.022,6		600,0	Khu Tái định cư- dân cư Hiệp Vinh 1A	
4	Nguyễn Minh Hùng, vợ Nguyễn Thị Khánh	Thôn Tân Vinh xã Canh Vinh, huyện Vân Canh.	164	6	ONT+ RSX	4.838,7	4.329,7	600,0	1.507,0	2.222,7		600,0	Khu Tái định cư- dân cư Hiệp Vinh 1A	
5	Nguyễn Thị Phận	Thôn Tân Vinh xã Canh Vinh, huyện Vân Canh.	59	31	ONT+ CLN+ RSX	2.228,7	1.335,7	600,0	314,4	421,3		600,0	Khu Tái định cư- dân cư Hiệp Vinh 1A	

6	Nguyễn Văn Bình, vợ Nguyễn Thị Tâm	Thôn Tân Vinh xã Canh Vinh, huyện Vân Canh.	60	31	ONT+ CLN+ RSX	1.566,6	872,9	400,0	168,0	304,9		400,0	Khu Tái định cư- dân cư Hiệp Vinh 1A	
7	Đoàn Thị Cảnh	Thôn Tân Vinh xã Canh Vinh, huyện Vân Canh.	57	31	ONT+ CLN	1.567,6	232,5	0,0	0,0	232,5			Khu Tái định cư - dân cư Hiệp Vinh 1A	Hội đồng xét giao 01 lô diện tích 150m2. Tiền sử dụng đất phải nộp do Công ty Cổ phần Becamex xem xét Quyết định
8	Trần Lộc	Thôn Tân Vinh xã Canh Vinh, huyện Vân Canh.	94	31	CLN	77,6	77,6	0,0	0,0	77,6			Khu Tái định cư - dân cư Hiệp Vinh 1A	Hội đồng xét giao 01 lô diện tích 150m2. Tiền sử dụng đất phải nộp do Công ty Cổ phần Becamex xem xét Quyết định
9	Đoàn Thị Sinh	Thôn Tân Vinh xã Canh Vinh, huyện Vân Canh.	95	31	CLN	39,3	39,3	0,0	0,0	39,3			Khu Tái định cư - dân cư Hiệp Vinh 1A	Hội đồng xét giao 01 lô diện tích 150m2. Tiền sử dụng đất phải nộp do Công ty Cổ phần Becamex xem xét Quyết định
10	Trần Đức Hùng	Thôn Tân Vinh xã Canh Vinh, huyện Vân Canh.	93	31	CLN	72,6	72,6	0,0	0,0	72,6			Khu Tái định cư - dân cư Hiệp Vinh 1A	Hội đồng xét giao 01 lô diện tích 150m2. Tiền sử dụng đất phải nộp do Công ty Cổ phần Becamex xem xét Quyết định

Phụ lục số 03

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHO MỘT SỐ HỘ DÂN, TỔ CHỨC CÓ ĐẤT NÔNG NGHIỆP
BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU TÁI ĐỊNH CƯ - DÂN CƯ TÂN VINH (ĐỢT 17)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

[illegible]

Phụ lục số 04
BẢNG ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN CỦA 01 HỘ DÂN ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT TẠI QUYẾT
ĐỊNH SỐ 88/QĐ-UBND NGÀY 10/01/2023 CỦA CHỦ TỊCH UBND TỈNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Số thửa	Tờ bản đồ	Diện tích thu hồi	Thông tin đã được phê duyệt		Thông tin điều chỉnh		Ghi chú
				Hộ gia đình	Địa chỉ	Hộ gia đình	Địa chỉ	
1	114	6	1.201,0	Nguyễn Hà Sen (chết), vợ Trần Thị Lùn	Tân Vinh	Trần Thị Lùn	Tân Vinh	Điều chỉnh tên chủ sử dụng đất